НОВЫЕ СЛОВА

	врач (м.)	bác sĩ
	медсестра́ (ж.)	y tá
	арти́ст (м.)	nghệ sĩ
	арти́стка (ж.)	nữ nghệ sĩ
	пове́ц (м.)	ca sĩ
	певи́ца (ж.)	nữ ca sĩ
	учени́к (м.)	học sinh
	шко́льник (м.)	học sinh
	учени́ца (ж.)	học sinh nữ
	шко́льница (ж.)	học sinh nữ
	преподава́тель (м.)	giảng viên
	преподава́тельница (ж.)	nữ giảng viên
	продаве́ц (м.)	nhân viên bán hàng
	продавщи́ца (ж.)	nữ nhân viên bán hàng
	инжене́р (м.)	kỹ sư
	рабо́чий (м.)	công nhân
	почтальо́н (м.)	người đưa thư
	де́лать (I НСВ)	làm
	рабо́тать (I НСВ)	làm việc
	слу́шать (I НСВ)	nghe
	чита́ть (I НСВ)	đọc
	за́втракать (I НСВ)	ăn sáng
	обе́дать (I НСВ)	ăn trưa
	у́жинать (I НСВ)	ăn tối
	гулять (I НСВ)	đi dạo

LIVEWORKSHEETS